

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU ĐẠI HỌC KHÓA 20 HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025_2026 (CHÍNH THỨC)

Đơn vị đảm nhận : Khoa Đại cương - Ngoại ngữ - An ninh Quốc phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bậc đào tạo : Đại học chính quy

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15			9,10	SVĐ3									DHOTOCK20A9	DHCQ 20
2	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_01_TH	60	0	TH	Nguyễn Xuân Trường	22/09-04/01/26	15	1,2	SVĐ1											DHOTOCK20A1	DHCQ 20
3	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_02_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15					3,4	SVĐ.7							DHOTOCK20A2	DHCQ 20
4	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_03_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15	1,2	SVĐ2											DHOTOCK20A3	DHCQ 20
5	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_04_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15								1,2	SVĐ.7				DHOTOCK20A4	DHCQ 20
6	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_05_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15										1,2	SVĐ.7		DHOTOCK20A5	DHCQ 20
7	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_06_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	22/09-04/01/26	15	9,10	SVĐ.7											DHOTOCK20A6	DHCQ 20
8	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_07_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	22/09-04/01/26	15							9,10	SVĐ2					DHOTOCK20A7	DHCQ 20
9	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_08_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	22/09-04/01/26	15			7,8	SVĐ3									DHOTOCK20A8	DHCQ 20
10	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_09_TH	30	0	TH	Phan Văn Thám	22/09-04/01/26	15							7,8	SVĐ2					DHQTCK20A1	DHCQ 20
11	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_10_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15							7,8	SVĐ4					DHKTCK20A1	DHCQ 20
12	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_10_TH_1FD	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15								7,8	SVĐ3				DHTDHCK20A3	DHCQ 20
13	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_12_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15								9,10	SVĐ2				DHTDHCK20A4	DHCQ 20
14	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_14_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15					1,2	SVĐ.7							DHDDTCK20A1	DHCQ 20
15	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_15_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15					1,2	SVĐ4							DHDDTCK20A2	DHCQ 20
16	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_16_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15					3,4	SVĐ3							DHTDHCK20A1	DHCQ 20
17	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_17_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15								3,4	SVĐ2				DHTDHCK20A2	DHCQ 20
18	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_18_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15	3,4	SVĐ.7											DHCTMCK20A1	DHCQ 20
19	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_19_TH	60	0	TH	Nguyễn Đình Tuấn	22/09-04/01/26	15			7,8	SVĐ.7									DHCTMCK20A2	DHCQ 20
20	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_20_TH	60	0	TH	Nguyễn Văn Luyện	22/09-04/01/26	15			3,4	SVĐ.7									DHCTTCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
21	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_21_TH	60	0	TH	Phan Văn Thám	22/09-04/01/26	15									7,8	SVĐ2			DHCTTCK20A2	DHCQ 20
22	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_22_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15									3,4	SVĐ.7			DHKCKCK20A1	DHCQ 20
23	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_23_TH	60	0	TH	Lê Anh Thơ	22/09-04/01/26	15	7,8	SVĐ.7											DHDDTCK20A3	DHCQ 20
24	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_24_TH	60	0	TH	Nguyễn XuânTrưởng	22/09-04/01/26	15							8,9	SVĐ.7					DHKCKCK20A2	DHCQ 20
25	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_25_TH	60	0	TH	Nguyễn XuânTrưởng	22/09-04/01/26	15					9,10	SVĐ3							DHDDTCK20A4	DHCQ 20
26	4TQ009DC	1	Điện kinh 1(125)_26_TH	60	0	TH	Hoàng Công Minh	22/09-04/01/26	15											3,4	SVĐ.7	DHTDHCK20A5	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	1CK184DH	3	Nhập môn ngành cơ điện tử(125)_01	50	0	LT	Hoàng Hữu Tân	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.311					DHCDTCK20A1	DHCQ 20
2	4CK184DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ chế tạo máy(125)_01	60	0	LT	Phạm Minh Tâm	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.312							DHCTMCK20A1	DHCQ 20
3	4CK184DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ chế tạo máy(125)_02	60	0	LT	Phạm Minh Tâm	08/09-21/12/25	15	6,7,8	A2.301											DHCTMCK20A2	DHCQ 20
4	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_02	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15									1,2	A2.402			DHOTOCK20A1	DHCQ 20
5	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_03	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15			1,2	A2.403									DHOTOCK20A2	DHCQ 20
6	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_04	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15			3,4	A2.404									DHOTOCK20A3	DHCQ 20
7	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_05	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15	3,4	A2.404											DHOTOCK20A4	DHCQ 20
8	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_06	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15							3,4	A2.410					DHOTOCK20A5	DHCQ 20
9	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_07	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15					8,9	A2.403							DHOTOCK20A6	DHCQ 20
10	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_08	60	0	LT	Lê Thái Sơn	08/09-21/12/25	15									8,9	A2.404			DHOTOCK20A7	DHCQ 20
11	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_09	60	0	LT	Nguyễn Quang Thanh	08/09-21/12/25	15	8,9	A2.402											DHOTOCK20A8	DHCQ 20
12	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_10	60	0	LT	Nguyễn Chung	08/09-21/12/25	15									1,2	A2.105			DHCTMCK20A1	DHCQ 20
13	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_11	60	0	LT	Lê Thái Sơn	08/09-21/12/25	15									6,7	A2.212			DHCTMCK20A2	DHCQ 20
14	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_12	60	0	LT	Lưu Thủy Chung	08/09-21/12/25	15	3,4	A2.312											DHDDTCK20A1	DHCQ 20
15	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_13	60	0	LT	Nguyễn Chung	08/09-21/12/25	15									3,4	A2.401			DHDDTCK20A2	DHCQ 20
16	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_14	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15							1,2	A2.209					DHKCKCK20A1	DHCQ 20
17	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_15	60	0	LT	Lê Phú Cường	08/09-21/12/25	15									6,7	A2.401			DHDDTCK20A3	DHCQ 20
18	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_16	60	0	LT	Trần Đình Hiếu	08/09-21/12/25	15	6,7	A2.311											DHKCKCK20A2	DHCQ 20
19	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_17	60	0	LT	Lê Phú Cường	08/09-21/12/25	15			8,9	A2.402									DHDDTCK20A4	DHCQ 20
20	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_18	60	0	LT	Lê Phú Cường	08/09-21/12/25	15	6,7	A2.401											DHOTOCK20A9	DHCQ 20
21	4CK135DH	2	Vẽ kỹ thuật(125)_19	60	0	LT	Nguyễn Chung	08/09-21/12/25	15					8,9	A2.409							DHSPNCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4DL153DC	3	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.102							DHKCKCK20A1	DHCQ 20
2	4DL153DC	3	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí(125)_02	60	0	LT	Nguyễn Thanh Bình	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.204							DHKCKCK20A2	DHCQ 20
3	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chính	08/09-21/12/25	15			3,4,5	A2.310									DHOTOCK20A1	DHCQ 20
4	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_02	60	0	LT	Lê Khắc Bình	08/09-21/12/25	15	1,2,3	A2.403											DHOTOCK20A2	DHCQ 20
5	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_03	60	0	LT	Lê Khắc Bình	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.404							DHOTOCK20A3	DHCQ 20
6	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_04	60	0	LT	Nguyễn Văn Đại	08/09-21/12/25	15											3,4,5	A2.107	DHOTOCK20A4	DHCQ 20
7	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Văn Đại	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.410									DHOTOCK20A5	DHCQ 20
8	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_06	60	0	LT	Nguyễn Văn Đại	08/09-21/12/25	15									6,7,8	A2.403			DHOTOCK20A6	DHCQ 20
9	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_07	60	0	LT	Nguyễn Hữu Chính	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.404									DHOTOCK20A7	DHCQ 20
10	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_08	60	0	LT	Lê Khắc Bình	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.312					DHOTOCK20A8	DHCQ 20
11	4DL110DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ ô tô(125)_09	60	0	LT	Lê Khắc Bình	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.211							DHOTOCK20A9	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4TN103CD	2	Lập trình C/C++(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	08/09-21/12/25	15	1,2	A2.212											DHCTTCK20A1	DHCQ 20
2	4TN103CD	2	Lập trình C/C++(125)_02	60	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	15/09-28/12/25	15	6,7	A2.309											DHCTTCK20A2	DHCQ 20
3	4TN123DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin(125)_01	60	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.210					DHCTTCK20A1	DHCQ 20
4	4TN123DH	3	Nhập môn ngành Công nghệ thông tin(125)_02	60	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	15/09-28/12/25	15	8,9,10	A2.309											DHCTTCK20A2	DHCQ 20
5	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_01	30	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.311							DHQTCK20A1	DHCQ 20
6	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_02	60	0	LT	Trần Bình Giang	08/09-21/12/25	15									8,9,10	A2.410			DHSPNCK20A1	DHCQ 20
7	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_03	60	0	LT	Lê Thị Linh	08/09-21/12/25	15	1,2,3	A2.411											DHTDHCK20A5	DHCQ 20
8	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_04	60	0	LT	Trần Thị Gia	08/09-21/12/25	15							8,9,10	A2.402					DHDDTCK20A4	DHCQ 20
9	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_04_157	60	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.312					DHCTMCK20A1	DHCQ 20
10	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Thị Phương Thủy	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.410					DHTDHCK20A3	DHCQ 20
11	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_05_13B	60	0	LT	Trần Bình Giang	08/09-21/12/25	15							8,9,10	A2.309					DHCTMCK20A2	DHCQ 20
12	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_06	60	0	LT	Lê Thị Linh	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.105					DHDDTCK20A1	DHCQ 20
13	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_07	60	0	LT	Phạm Thị Đào	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.401					DHDDTCK20A2	DHCQ 20
14	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_08	60	0	LT	Phạm T.Thanh Bình	08/09-21/12/25	15									3,4,5	A2.304			DHCTTCK20A1	DHCQ 20
15	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_09	60	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	15/09-28/12/25	15					8,9,10	A2.210							DHCTTCK20A2	DHCQ 20
16	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_10	60	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	08/09-21/12/25	15							3,4,5	A2.209					DHKCKCK20A1	DHCQ 20
17	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_11	60	0	LT	Lê Thị Linh	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.409			DHTDHCK20A1	DHCQ 20
18	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_12	60	0	LT	Nguyễn Thị Quỳnh Vinh	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.411					DHTDHCK20A4	DHCQ 20
19	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_12_175	60	0	LT	Lê Thị Linh	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.412									DHTDHCK20A2	DHCQ 20
20	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_13	40	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	08/09-21/12/25	15									3,4,5	A2.203			DHCDTCK20A1	DHCQ 20
21	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_14	50	0	LT	Võ Thị Kim Hoa	08/09-21/12/25	15			3,4,5	A2.208 (TA)									DHKTNCK20A1	DHCQ 20
22	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_15	60	0	LT	Phạm Thị Đào	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.401									DHDDTCK20A3	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_16	60	0	LT	Trần Thị Gia	08/09-21/12/25	15			8,9,10	A2.105									DHKCKCK20A2	DHCQ 20
24	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_17	60	0	LT	Vũ Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.404			DHDTVCK20A1	DHCQ 20
25	4TN305DH	3	Tin học cơ bản(125)_18	60	0	LT	Trần Bình Giang	08/09-21/12/25	15			8,9,10	A2.412									DHKTMCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4DN152DH	3	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	08/09-21/12/25	15											1,2,3	A2.106	DHTDHCK20A1	DHCQ 20
2	4DN152DH	3	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(125)_02	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.203					DHTDHCK20A2	DHCQ 20
3	4DN152DH	3	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(125)_03	60	0	LT	Trần Duy Trinh	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.410							DHTDHCK20A3	DHCQ 20
4	4DN152DH	3	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(125)_04	60	0	LT	Trần Duy Trinh	08/09-21/12/25	15											6,7,8	A2.106	DHTDHCK20A4	DHCQ 20
5	4DN152DH	3	Nhập môn ngành Điều khiển&TĐH(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Khắc Tuấn	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.411							DHTDHCK20A5	DHCQ 20
6	4DN165DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(125)_01	60	0	LT		08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.304									DHDDTCK20A1	DHCQ 20
7	4DN165DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(125)_02	60	0	LT		08/09-21/12/25	15											3,4,5	A2.103	DHDDTCK20A2	DHCQ 20
8	4DN165DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(125)_03	60	0	LT		08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.401					DHDDTCK20A3	DHCQ 20
9	4DN165DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật điện, điện tử(125)_04	60	0	LT		08/09-21/12/25	15									6,7,8	A2.402			DHDDTCK20A4	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4DT135DH	3	Nhập môn ngành Điện tử, Viễn thông(125)_01	60	0	LT	Lê VănBiên	08/09-21/12/25	15					3,4,5	A2.409							DHDTVCK20A1	DHCQ 20
2	4DT136DH	3	Nhập môn ngành Kỹ thuật Máy tính(125)_01	20	0	LT	Hồ Ngọc Vinh	08/09-21/12/25	15									8,9,10	A2.411			DHKTMCK20A1	DHCQ 20
3	4DT163DH	3	Nhập môn ngành kỹ thuật Nhiệt(125)_01	60	0	LT	Nguyễn Đình Thư	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.412			DHKTNCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_01	60	0	LT	Lê Hồng Sơn	08/09-21/12/25	15									3,4	A2.402			DHOTOCK20A1	DHCQ 20
2	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_02	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15			3,4	A2.403									DHOTOCK20A2	DHCQ 20
3	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15			1,2	A2.404									DHOTOCK20A3	DHCQ 20
4	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_04	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15	1,2	A2.404											DHOTOCK20A4	DHCQ 20
5	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_05	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15							1,2	A2.410					DHOTOCK20A5	DHCQ 20
6	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_06	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15					6,7	A2.403							DHOTOCK20A6	DHCQ 20
7	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_07	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15									6,7	A2.404			DHOTOCK20A7	DHCQ 20
8	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_08	60	0	LT	Lê Hồng Sơn	08/09-21/12/25	15	6,7	A2.402											DHOTOCK20A8	DHCQ 20
9	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_09	30	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15	8,9	A2.403											DHQTCK20A1	DHCQ 20
10	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_10	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15					6,7	A2.409							DHSPNCK20A1	DHCQ 20
11	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_11	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15	8,9	A2.401											DHOTOCK20A9	DHCQ 20
12	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_12	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15									3,4	A2.104			DHCTMCK20A1	DHCQ 20
13	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_13	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15									8,9	A2.209			DHCTMCK20A2	DHCQ 20
14	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_14	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15	1,2	A2.312											DHDDTCK20A1	DHCQ 20
15	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_15	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15									1,2	A2.401			DHDDTCK20A2	DHCQ 20
16	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_16	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15							4,5	A2.210					DHCTTCK20A1	DHCQ 20
17	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_17	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	15/09-28/12/25	15			9,10	A2.203									DHCTTCK20A2	DHCQ 20
18	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_18	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15	3,4	A2.304											DHKCKCK20A1	DHCQ 20
19	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_19	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15			1,2	A2.411									DHTDHCK20A1	DHCQ 20
20	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_20	60	0	LT	Lê ThịHuệ	08/09-21/12/25	15	1,2	A2.402											DHTDHCK20A2	DHCQ 20
21	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_21	40	0	LT	Lê ThịHuệ	08/09-21/12/25	15					3,4	A2.309							DHCDTCK20A1	DHCQ 20
22	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_22	50	0	LT	Lê ThịHuệ	08/09-21/12/25	15							3,4	A2.412					DHKTNCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_23	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15									8,9	A2.401			DHDDTCK20A3	DHCQ 20
24	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_24	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15	8,9	A2.311											DHKCKCK20A2	DHCQ 20
25	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_25	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15			6,7	A2.402									DHDDTCK20A4	DHCQ 20
26	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_26	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15					9,10	A2.410							DHTDHCK20A3	DHCQ 20
27	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_27	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15			8,9	A2.411									DHTDHCK20A4	DHCQ 20
28	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_28	60	0	LT	Trần Hải Yến	08/09-21/12/25	15	4,5	A2.411											DHTDHCK20A5	DHCQ 20
29	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_29	60	0	LT	Ngô ThịHuyền	08/09-21/12/25	15					1,2	A2.409							DHDTVCK20A1	DHCQ 20
30	3DC004DC	2	Toán cao cấp 1(125)_30	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Nhung	08/09-21/12/25	15					9,10	A2.212							DHKTMCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3KT116CD	2	Lịch sử các học thuyết kinh tế(125)_01	15	0	LT	Nguyễn Thị MỹTrang	08/09-21/12/25	15	6,7	A2.403											DHQTCKCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	3ML008DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_07	30	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	08/09-21/12/25	15									9,10	A2.101			DHQTCK20A1	DHCQ 20
2	3ML008DC	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin(125)_08	60	0	LT	Vũ Thị Kim Thanh	08/09-21/12/25	15	9,10	A2.411											DHKTCK20A1	DHCQ 20
3	2ML004DC	2	Pháp luật đại cương(125)_01	60	0	LT	Lê Việt Hà	08/09-21/12/25	15			3,4	A2.411									DHTDHCK20A1	DHCQ 20
4	2ML004DC	2	Pháp luật đại cương(125)_02	60	0	LT	Lê Việt Hà	08/09-21/12/25	15	3,4	A2.402											DHTDHCK20A2	DHCQ 20
5	2ML004DC	2	Pháp luật đại cương(125)_03	60	0	LT	Lê Việt Hà	08/09-21/12/25	15	6,7	A2.410											DHTDHCK20A3	DHCQ 20
6	2ML004DC	2	Pháp luật đại cương(125)_04	60	0	LT	Lê Việt Hà	08/09-21/12/25	15					6,7	A2.411							DHTDHCK20A4	DHCQ 20
7	2ML004DC	2	Pháp luật đại cương(125)_05	60	0	LT	Lê Việt Hà	08/09-21/12/25	15									1,2	A2.411			DHTDHCK20A5	DHCQ 20
8	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_01	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.402							DHOTOCK20A1	DHCQ 20
9	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_02	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.403			DHOTOCK20A2	DHCQ 20
10	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_03	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.404					DHOTOCK20A3	DHCQ 20
11	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_04	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.409									DHOTOCK20A4	DHCQ 20
12	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_05	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15	1,2,3	A2.401											DHOTOCK20A5	DHCQ 20
13	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_06	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.403									DHOTOCK20A6	DHCQ 20
14	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_07	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.404							DHOTOCK20A7	DHCQ 20
15	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_08	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15									6,7,8	A2.409			DHOTOCK20A8	DHCQ 20
16	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_09	30	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.212									DHQTCK20A1	DHCQ 20
17	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_10	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15	6,7,8	A2.409											DHSPNCK20A1	DHCQ 20
18	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_11	60	0	LT	Nguyễn CôngAn	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.404					DHOTOCK20A9	DHCQ 20
19	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_12	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.312									DHCTMCK20A1	DHCQ 20
20	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_13	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.209							DHCTMCK20A2	DHCQ 20
21	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_14	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.401							DHCTTCK20A1	DHCQ 20
22	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_15	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	15/09-28/12/25	15			6,7,8	A2.203									DHCTTCK20A2	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_16	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.402									DHKCKCK20A1	DHCQ 20
24	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_17	52	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15	1,2,3	A2.412											DHKTNCK20A1	DHCQ 20
25	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_17_133	60	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	08/09-21/12/25	15									8,9,10	A2.309			DHKCKCK20A2	DHCQ 20
26	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_18	60	0	LT	Lê Thị Ngọc Hà	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.304					DHDTVCK20A1	DHCQ 20
27	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_19	40	0	LT	Nguyễn Thị Lan Anh	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.302									DHCDTCK20A1	DHCQ 20
28	3ML007DC	3	Triết học Mác - Lênin(125)_20	60	0	LT	Lưu Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.212							DHKTMCK20A1	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
1	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_01	60	0	LT	Phan Thị Tâm	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.204					DHOTOCK20A1	DHCQ 20
2	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_02	60	0	LT	Cao Thị Thảo	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.403					DHOTOCK20A2	DHCQ 20
3	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_03	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.312			DHOTOCK20A3	DHCQ 20
4	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_04	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.403							DHOTOCK20A4	DHCQ 20
5	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_05	60	0	LT	Lê Trọng Phong	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.410			DHOTOCK20A5	DHCQ 20
6	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_06	60	0	LT	Võ An Hải	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.403					DHOTOCK20A6	DHCQ 20
7	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_07	60	0	LT	Võ An Hải	08/09-21/12/25	15	6,7,8	A2.404											DHOTOCK20A7	DHCQ 20
8	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_08	60	0	LT	Phan Thị Tâm	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.312							DHOTOCK20A8	DHCQ 20
9	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_09	30	0	LT	Phan Thị Tâm	08/09-21/12/25	15									6,7,8	A2.101			DHQTCK20A1	DHCQ 20
10	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_10	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.409									DHSPNCK20A1	DHCQ 20
11	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_11	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	08/09-21/12/25	15									6,7,8	A2.301			DHOTOCK20A9	DHCQ 20
12	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_12	40	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/09-21/12/25	15	3,4,5	A2.310											DHCDTCK20A1	DHCQ 20
13	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_13	50	0	LT	Cao Thị Thảo	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.412							DHKTNCK20A1	DHCQ 20
14	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_14	60	0	LT	Võ An Hải	08/09-21/12/25	15									1,2,3	A2.310			DHDDTCK20A1	DHCQ 20
15	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_15	60	0	LT	Lê Trọng Phong	08/09-21/12/25	15			1,2,3	A2.401									DHDDTCK20A2	DHCQ 20
16	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_16	60	0	LT	Phan Thị Tâm	08/09-21/12/25	15	3,4,5	A2.212											DHCTTCK20A1	DHCQ 20
17	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_17	60	0	LT	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/09-28/12/25	15							6,7,8	A2.310					DHCTTCK20A2	DHCQ 20
18	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_18	60	0	LT	Lê Trọng Phong	08/09-21/12/25	15					6,7,8	A2.401							DHDDTCK20A3	DHCQ 20
19	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_19	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.411					DHTDHCK20A1	DHCQ 20
20	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_20	60	0	LT	Võ An Hải	08/09-21/12/25	15					1,2,3	A2.410							DHTDHCK20A2	DHCQ 20
21	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_21	60	0	LT	Cao Thị Thảo	08/09-21/12/25	15	8,9,10	A2.101											DHDDTCK20A4	DHCQ 20
22	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_22	60	0	LT	Cao Thị Thảo	08/09-21/12/25	15			6,7,8	A2.410									DHTDHCK20A3	DHCQ 20

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Kiểu học	Giảng viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Tên các lớp ghép	Khóa
										Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học	Tiết học	Phòng học		
23	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_23	60	0	LT	Phan Cẩm Tú	08/09-21/12/25	15					8,9,10	A2.411							DHTDHCK20A4	DHCQ 20
24	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_24	60	0	LT	Võ An Hải	08/09-21/12/25	15							1,2,3	A2.211					DHTDHCK20A5	DHCQ 20
25	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_25	60	0	LT	Cao Thị Thảo	08/09-21/12/25	15	1,2,3	A2.409											DHDTVCK20A1	DHCQ 20
26	4SP103DC	3	Kỹ năng mềm(125)_26	60	0	LT	Lê Trọng Phong	08/09-21/12/25	15	6,7,8	A2.411											DHKTMCCK20A1	DHCQ 20
27	3SP106DH	3	Nhập môn ngành Sư phạm(125)_01	60	0	LT	Lê Trọng Phong	08/09-21/12/25	15							6,7,8	A2.409					DHSPNCK20A1	DHCQ 20

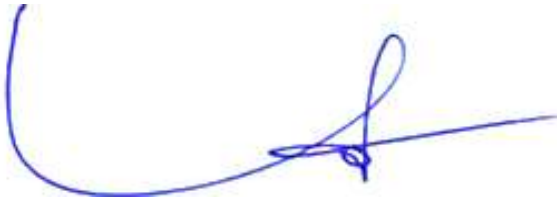
Nghệ An, ngày 5 tháng 9 năm 2025

Người lập TKB



Trần Ngọc Trường

Phó phòng Đào tạo



Phạm Văn Thông